

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 6/8/2020

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp  
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà: Quang Kim Cúc;

2. Ông: Nguyễn Chí Công.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-DS, ngày 22/4/2020, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐST-DS ngày 6/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 543/2020/QĐST-DS ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Đặng Thành T, Sinh năm 1979; Địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Thành T là ông Trần Văn N, sinh năm: 1974. Địa chỉ: xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Lê Hồ Đoan T, sinh năm: 1977; Võ Hưng T, sinh năm: 1979; Cùng địa chỉ: xã P, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:

Vào ngày 18/3/2020 ông Đặng Thành T có cho vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T vay số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng/1.000 đồng/01ngày (không có ghi trong biên nhận), thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày,

mục đích vay để trả nợ Ngân hàng, biên nhận ghi ngày 18/3/2020 người vay là Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T ký tên ghi họ tên trong biên nhận vay tiền. Đến thời hạn ông T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn đến nay chưa trả.

Ông Đặng Thành T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T trả cho Đặng Thành T số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 6/8/2020 là  $4,5 \text{ tháng} \times 0,83\%/01 \text{ tháng} = 18.675.000$  đồng, tổng cộng 518.675.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ông Võ Hưng T và bà Lê Hồ Đoan T trình bày:

Vào ngày 18/3/2020 vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T thừa nhận có vay của ông T số tiền 500.000.000 đồng, có làm biên nhận không thỏa thuận tiền lãi, thời hạn vay, mục đích vay để trả nợ Ngân hàng, biên nhận ghi ngày 18/3/2020 người vay là Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T ký tên ghi họ tên trong biên nhận vay tiền. Vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T đồng ý trả cho ông Đặng Thành T số tiền vay 500.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi. Hiện nay ông Lê Hồng T có nợ vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T số tiền 550.000.000 đồng, khi nào ông Lê Hồng T trả nợ cho vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T, vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T sẽ trả cho ông Đặng Thành T tiền vốn vay, không đồng ý trả tiền lãi.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng pháp luật.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Thành T khởi kiện yêu cầu Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Đặng Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T trả cho ông Đặng Thành T số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 6/8/2020 là 4,5 tháng x 0,83%/01 tháng = 18.675.000 đồng, tổng cộng 518.675.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông T là Biên nhận ngày 18/3/2020, có chữ ký và ghi tên Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T. Bị đơn Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T thừa nhận có vay của ông T 500.000.000 đồng vào ngày 18/03/2020, khi vay không có thỏa thuận tiền lãi, thời hạn vay ghi trong biên nhận là 02 ngày, khi nào ông Lê Hồng T trả nợ cho vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T, vợ chồng Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T sẽ trả cho ông Đặng Thành T tiền vốn vay, không đồng ý trả tiền lãi.

Xét lời trình bày của Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T là không có cơ sở vì theo biên nhận vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 ngày kể từ ngày cho vay nhưng đến hạn Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T không trả nợ là vi phạm thỏa thuận; Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T cho rằng ông Lê Hồng T nợ tiền mình nên khi nào ông Lê Hồng T trả thì mới trả cho ông T lời trình bày này là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với tiền lãi khi vay không có thỏa thuận tiền lãi nhưng đến hạn trả nợ Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T không trả nên ông T tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 20/3/2020 đến ngày 6/8/2020 là 4,5 tháng x 0,83%/01 tháng = 18.675.000 đồng, tổng cộng 518.675.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Thành T là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 466 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 1, 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.*

...

*4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”...*

Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T cho rằng ông Lê Hồng T nợ tiền nhưng không có yêu cầu hay khởi kiện gì đối với ông Lê Hồng T trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ông Đặng Thành T.
2. Buộc Lê Hồ Đoan T, Võ Hưng T trả cho ông Đặng Thành T tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng, tiền lãi 18.675.000 đồng, tổng cộng 518.675.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.
4. Về án phí, tạm ứng án phí:
  - Bà Lê Hồ Đoan T, ông Võ Hưng T phải nộp 24.747.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
  - Ông Đặng Thành T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Thành T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.003.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0000163, ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (6/8/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**